TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 12 năm 2018
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toản;
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Nguyễn Văn Gia;
- Bà: Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Phương A, sinh ngày: 09/8/1996;
Nơi cư trú: Xóm N 1, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
- *Bị đơn:* Anh Tô Văn H, sinh ngày: 05/02/1991;
Nơi cư trú: Xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị A có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị Phương A trình bày*:*

Chị và anh Tô Văn H kết hôn ngày 26/5/2014 trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn luật tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống cùng với bố, mẹ anh H tại xóm Q, xã T. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có quan hệ bên ngoài,không quan tâm đến vợ, con, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không có tiếng nói chung nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng

sống ly thân nhau từ khoảng giữa năm 2015 cho đến nay, không quan tâm và liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Tô Ngọc Bảo A1, sinh ngày 04/11/2014. Hiện cháu đang sinh sống ổn định cùng chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Tô Văn H: Quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/11/2018 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và nơi cư trú của anh H xác định: Anh H hiện có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị A, anh H chung sống với nhau thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, chị A đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ nhiều năm nay. Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị A vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS, về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Phương A và cho chị A được ly hôn anh Tô Văn H.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Tô Ngọc Bảo A1, sinh ngày 04/11/2014 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H, do chị A tự nguyện chưa yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Chị A phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Tô Văn H có nơi cư trú tại: Xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định của BLTTDS, nhưng tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Tô Văn H là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Nông Thị Phương A và anh Tô Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do chị A xin ly hôn anh H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H có quan hệ bên ngoài, thiếu trách nhiệm với vợ, con, chị A đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi cho nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ, chồng đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau từ khoảng giữa năm 2015 đến nay và không quan tâm liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, chị A và anh H không có sự quan tâm, chia sẻ yêu thương nhau trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân nhau đã nhiều năm nay, như vậy mục đích hôn nhân giữa chị A và anh H không đạt được, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, nên chấp nhận cho chị A được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị A và anh H có 01 con chung là cháu Tô Ngọc Bảo A1, sinh ngày 04/11/2014. Xét điều kiện thực tế hiện nay cháu A1 còn quá nhỏ, lại là con gái, hiện đang sống ổn định cùng chị A từ khi vợ, chồng sống ly thân cho đến nay, sau khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của chị A là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận và giao cháu A1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A1 trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị A tự nguyện chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra không xem xét, giải quyết. Nếu có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nông Thị Phương A phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu kiện của chị Nông Thị Phương A đối với anh Tô Văn H, cho chị A được ly hôn anh Tô Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị Phương A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tô Ngọc Bảo A1, sinh ngày 04/11/2014 cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị A tự nguyện chưa yêu cầu.

Anh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nông Thị Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000553 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị A đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị A báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã T, huyện. P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toản